

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2022
“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hoàng;
2. Bà Nguyễn Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Biên, tỉnh An Giang
tham gia phiên tòa:* Bà Neàng Sa Men - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Biên
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 182/2022/TLST-
HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly
hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày
23/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2022/QĐST-HNGĐ ngày
12/12/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thuỳ L, sinh năm 1979, nơi cư trú: T2, khóm
2, thị trấn C, huyện T, tỉnh A;

Bị đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1979, nơi cư trú: Tổ 02, ấp Vô Đầu,
xã An Hảo, huyện Tĩnh Biên, tỉnh An Giang;

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thuỳ L có mặt, bị đơn ông Trần Văn Th vắng
mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ
án, nguyên đơn bà Phạm Thị Thuỳ L trình bày:*

Bà Phạm Thị Thuỳ L và ông Trần Văn Th tự chung sống vào năm 2002,
đăng ký kết hôn ngày 24/5/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T. Thời
gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng

quan điểm do ông Th chơi cờ bạc nợ tiền rồi bỏ nhà ra đi từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Th.

- Về con chung: Bà L và ông Th có 02 con chung tên Trần Thị Thảo Y, sinh ngày 14/02/2003, đã trưởng thành và Trần Thị Kim C, sinh ngày 08/9/2008. Bà L yêu cầu nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Kim C và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Trần Thị Thảo Y đã trưởng thành và tự lập.

- Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Thuỳ L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Thuỳ L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thuỳ L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn ông Trần Văn Th.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:* Bị đơn ông Trần Văn Th đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ; niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý, Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng ông Th vắng mặt nên Tòa án không tiến hành được việc mở phiên họp kiểm tra tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà L và ông Th có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2014 đến nay, nhưng cả hai không tạo cho nhau điều kiện để đoàn tụ gia đình, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng. Vì vậy, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xem xét giải quyết cho ly hôn.

+ Về con chung: Bà L và ông Th có 02 con chung tên Trần Thị Thảo Y, sinh ngày 14/02/2003, đã trưởng thành và Trần Thị Kim C, sinh ngày 08/9/2008. Xét thấy, cháu Trần Thị Kim C có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ là bà Phạm

Thị Thuỳ L. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung Trần Thị Kim C của bà Phạm Thị Thuỳ L. Cháu Trần Thị Thảo Y đã trưởng thành và tự lập nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Nguyên đơn không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

+ Về nợ chung: Nguyên đơn không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thuỳ L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần Văn Th; bị đơn có địa chỉ cư trú tại t2, ấp V, xã A, huyện T, tỉnh A. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thuỳ L có mặt tại phiên toà, bị đơn ông Trần Văn Th vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/KH/UB ngày 24/05/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng trong thời gian chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do bị đơn chơi cờ bạc và nợ tiền tự bỏ nhà đi năm 2014 cho đến nay. Đồng thời, bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo về các phiên hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án tham dự, cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ, vun bồi hạnh phúc

gia đình. Do đó, việc hàn gắn mâu thuẫn cùng nhau xây dựng, chăm lo cuộc sống gia đình là không thể thực hiện được. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Giữa bà L và ông Th có 02 con chung tên Trần Thị Thảo Y, sinh ngày 14/02/2003 đã trưởng thành Trần Thị Kim C, sinh ngày 08/9/2008. Xét thấy, cháu Trần Thị Thảo Y đã trưởng thành nên không xem xét, riêng cháu Trần Thị Kim C có nguyện vọng được sống chung với bà L sau khi cha mẹ ly hôn, nên tiếp tục giao cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

- Về nợ chung: Không có.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có căn cứ.

[3] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy L;

[1] Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Thùy Linh và ông Trần Văn Th.

[2] Về nuôi con chung:

2.1. Cháu Trần Thị Thảo Y, sinh ngày 14/02/2003 đã trưởng thành và tự lập.

2.2. Giao con chung tên Trần Thị Kim C, sinh ngày 08/9/2008 cho bà Phạm Thị Thùy Linh trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Ông Trần Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Phạm Thị Thùy Linh cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Trần Văn Th quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí: Bà Phạm Thị Thuỳ L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0007828 ngày 28/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên. Bà L đã nộp đủ án phí. Ông Th không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17/KH/UB ngày 24/05/2002 của Ủy ban nhân dân thị trấn Chi Lăng, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã, thị trấn (nơi ĐKKH);
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ